ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 267 /BC-UBND	*A Dơi, ngày 26 tháng 8 năm 2026*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; công tác đầu tư công, quản lý tài sản công và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026

(Phục vụ chương trình làm việc của Thường trực HĐND tỉnh)

Thực hiện Thông báo số 453/TB-TTHĐND ngày 22/8/2026 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về chương trình làm việc của Thưởng trực HĐND tỉnh; UBND xã báo cáo thực như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH; TIỀM NĂNG, LỢI THẾ, KHÓ KHĂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Khái quát đặc điểm tình hình

Thực hiện Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025. UBND xã A Dơi được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích, quy mô dân số của 03 xã gồm: Xã Xy, xã A Dơi, xã Ba Tầng. Về vị trí địa lý: phía Bắc giáp xã Tân Lập và xã Khe Sanh; phía Tây giáp xã Lìa; phía Đông giáp xã Đakrông; phía Nam giáp các bản Rạ, Xê, A Dông, Tân Du (huyện Sa Muồi, tỉnh Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

Sau sáp nhập, xã A Dơi có diện tích tự nhiên 112,994 km2, quy mô dân số 11.300 người, có 6 thôn với 3 dân tộc anh em chủ yếu là Kinh, Pa Cô và Vân Kiều (trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 86%). Dân cư phân bố chủ yếu dọc tuyến ĐT.586, các tuyến liên thôn và khu vực vành đai biên giới; trên địa bàn có Đồn Biên phòng Ba Tầng.

A Dơi là xã thuộc khu vực khó khăn của tỉnh Quảng Trị, điều kiện kinh tế của người dân chủ yếu thuần nông. Có đường biên giới giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (34,603 km).

2. Tiềm năng, lợi thế

Địa phương có lợi thế về quỹ đất, nguồn lực lao động, tài nguyên rừng, tuyến tỉnh lộ ĐT.586 và đường biên giới dài tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông - lâm nghiệp, chiếm khoảng 85% cơ cấu kinh tế, với các cây trồng chủ lực như sắn, cao su, cà phê, chuối; chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục được duy trì. Tổng giá trị sản xuất ước đạt khoảng 165 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 20,2 triệu đồng/người/năm. Công tác giảm nghèo đạt nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn ở mức cao.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm; giáo dục, y tế có nhiều chuyển biến; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; các chính sách an sinh xã

hội, chăm lo người có công, đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai kịp thời, đúng đối tượng. Quốc phòng - an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; công tác quản lý, bảo vệ biên giới và đối ngoại được tăng cường. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025, tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và Nhân dân ổn định; đội ngũ cán bộ chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương; Nhân dân đồng thuận, tin tưởng vào mô hình tổ chức mới.

3. Khó khăn

- Phát triển kinh tế còn gặp khó khăn; chuyển đổi cây trồng, vật nuôi còn manh mún, thiếu liên kết để tạo vùng sản xuất hàng hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế; Chăn nuôi chưa ổn định. Chất lượng nguồn nhân lực, và trình độ dân trí còn hạn chế.

- Tỷ lệ áp dụng máy móc, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp còn rất thấp do địa hình đồi núi, chia cắt.

- Hệ thống thủy lợi chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được tưới tiêu chủ động.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và du lịch phát triển chậm, chưa tương xứng tiềm năng.

- Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu nông thôn mới còn nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực đầu tư.

- Hạ tầng: Giao thông và cơ sở hạ tầng vùng sâu, vùng xa vẫn thiếu đồng bộ, dễ bị chia cắt trong mùa lũ, ảnh hưởng đến việc giao thương hàng hóa.

- Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao.

4. Định hướng phát triển

- Phát triển nhanh, bền vững, lấy nâng cao thu nhập và chất lượng đời sống Nhân dân làm trung tâm; phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo, bảo tồn bản sắc văn hóa, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và giữ vững quốc phòng - an ninh, chủ quyền biên giới.

- Hoàn thiện quy hoạch xã; ưu tiên hạ tầng giao thông kết nối trung tâm xã, các thôn, vùng sản xuất và khu vực biên giới; đầu tư hạ tầng số, nước sinh hoạt, y tế, giáo dục và nhà ở công vụ.

- Đổi mới phương thức sản xuất nông - lâm nghiệp, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, chuyển đổi xanh; phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác, sản phẩm đặc trưng.

- Phát triển thương mại biên giới, dịch vụ và du lịch cộng đồng; tăng cường đối ngoại Nhân dân, hợp tác hữu nghị Việt Nam - Lào gắn với giữ vững an ninh biên giới.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trên 03 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chuẩn hóa hồ sơ, dữ liệu và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM; NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm

1.1 Lĩnh vực kinh tế

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục được duy trì ổn định. UBND xã tập trung chỉ đạo Nhân dân thu hoạch vụ Đông Xuân 2025 - 2026, triển khai sản xuất vụ Hè - Thu và chủ động phòng, chống sâu bệnh. Tổng diện tích cây lương thực có hạt 204,08 ha, sản lượng ước 743,92 tấn; diện tích sắn đã trồng khoảng 1.240 ha, diện tích đã thu hoạch 775 ha, sản lượng 10.075 tấn. Diện tích cà phê 164 ha, cao su 603 ha, tiêu 7 ha và chuối 60 ha. Chăn nuôi cơ bản ổn định với tổng đàn trâu 400 con, bò 1.630 con, lợn 1.060 con, dê 3.644 con và gia cầm 12.260 con. Công tác phòng, chống dịch bệnh, tiêm phòng cho đàn vật nuôi được triển khai theo kế hoạch. Nuôi trồng thủy sản duy trì 3,85 ha, sản lượng 4,55 tấn.

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm; đã trồng mới 50 ha rừng trồng, tỷ lệ che phủ rừng đạt 8,52%. Công tác phòng, chống thiên tai, kiểm tra công trình thủy lợi, hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai được triển khai kịp thời.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, chủ yếu là các ngành nghề mộc dân dụng, xay xát, nấu rượu, hàn xì, kinh doanh ăn uống, tạp hóa và các dịch vụ thiết yếu.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được tập trung chỉ đạo. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 là 3.426 triệu đồng, đến ngày 30/6/2026 giải ngân 1.780 triệu đồng, đạt 52% kế hoạch. Giải ngân đến ngày 24/8/2026 là 2.119 triệu đồng, đạt 64%.

Công tác tài chính - ngân sách được quản lý chặt chẽ, đúng quy định. Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh đạt 80.665,797 triệu đồng, bằng 44,73% dự toán; thu ngân sách trên địa bàn đạt 588,969 triệu đồng, vượt 15,48% dự toán. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 68.570,339 triệu đồng, bằng 38,02% dự toán. Hoạt động tín dụng tiếp tục hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và các đối tượng chính sách.

Công tác quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường được tăng cường; đã cấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đính chính 36 hồ sơ và giải quyết 01 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất. Đồng thời triển khai công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Các Chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai theo kế hoạch. Xã đã rà soát bộ tiêu chí nông thôn mới, hiện đạt 01/10 tiêu chí và 14/47 chỉ tiêu. Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội và thực hiện chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo được quan tâm; đến cuối tháng 5/2026 còn 804 hộ nghèo và 717 hộ cận nghèo.

1.2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Công tác xây dựng chính quyền, tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính và thôn, bản được triển khai theo quy định. Công tác tinh giản biên chế, rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện chế độ, chính sách được thực hiện đầy đủ.

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo được quan tâm; các trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, nâng cao chất lượng dạy và học, tổ chức các hoạt động chuyên môn, hội thi giáo viên và hội thao học đường.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được duy trì. Trạm Y tế đã khám, điều trị 1.264 lượt người bệnh, thực hiện 815 lượt khám dự phòng; công tác tiêm chủng, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm được triển khai hiệu quả. Không xảy ra dịch bệnh lớn và ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

Các chính sách người có công, bảo trợ xã hội, giảm nghèo và hỗ trợ các đối tượng khó khăn được thực hiện đầy đủ. Hoạt động văn hóa, thể thao được duy trì; tổ chức Hội thao học đường với 163 vận động viên và các hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

Công tác khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh. Đã thẩm định, công nhận 08 sáng kiến cấp cơ sở, trong đó có 01 sáng kiến được công nhận cấp tỉnh.

Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm; tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng quà cho 16 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

1.3. Tư pháp, thanh tra, tiếp công dân và đối ngoại

Công tác tư pháp - hộ tịch được thực hiện đúng quy định, đã tiếp nhận và giải quyết 407 trường hợp đăng ký hộ tịch. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai nghiêm túc; trong 6 tháng đầu năm không phát hiện vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Không phát sinh khiếu nại, tố cáo; đã tiếp nhận và giải quyết 03 đơn kiến nghị, phản ánh liên quan đến đất đai, đạt 100%.

Công tác văn thư - lưu trữ được thực hiện đúng quy định; UBND xã ban hành 1.459 văn bản, tỷ lệ số hóa văn bản đạt 98%.

Hoạt động đối ngoại với các địa phương của Lào tiếp tục được duy trì, góp phần củng cố quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác giữa các địa phương khu vực biên giới.

1.4. Quốc phòng - an ninh

Quốc phòng, an ninh được giữ vững; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, kiểm soát địa bàn và bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị. Công tác tuyển quân năm 2026 hoàn thành 100% chỉ tiêu, với 27 công dân nhập ngũ.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Trong kỳ phát hiện 02 vụ/04 đối tượng phạm tội về ma túy, xử lý 26 trường hợp sử dụng trái phép chất ma túy; không xảy ra tội phạm về trật tự xã hội, kinh tế, môi trường, tai nạn giao thông và cháy nổ. Tuy nhiên, xảy ra 02 vụ đuối nước làm chết 02 người.

1.5. Cải cách hành chính và hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công

Từ ngày 01/01/2026 đến 31/5/2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công đã tiếp nhận 1.862 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến đạt 99,14%. Đã giải quyết 1.844 hồ sơ, đạt 99,03%, trong đó 1.822 hồ sơ giải quyết trước hạn. Hiện còn 18 hồ sơ đang giải quyết, đều trong hạn. Tỷ lệ số hóa hồ sơ đầu vào đạt 100%.

(Có phụ lục 01 kèm theo)

2. Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026

2.1 Về phát triển kinh tế

a. Sản xuất nông - lâm, thủy sản

Chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu đảm bảo đúng kế hoạch và khung lịch gieo trồng,

tận dụng tối đa diện tích hạn chế bỏ hoang; chăm sóc, bảo vệ mùa màng, thu hoạch mùa đảm bảo kịp thời nhằm giải thiểu thiệt hại khi có thiên tai xảy ra. Tăng cường chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống dịch bệnh, tăng cường công tác kiểm tra, phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm để kịp thời có biện pháp xử lý và hạn chế thấp nhất khi có dịch bệnh xảy ra; vận đồng nhân dân nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm và ổn định tổng đàn.

Tăng cường triển khai kế hoạch phòng, chống hạn cho cây trồng, phòng chống cháy rừng trong mùa khô, phòng, chống thiên tai theo phương châm "4 tại chỗ", tăng cường quản lý đất đai, tập trung giải quyết, xử lý các đối tượng vi phạm. Tập trung chỉ đạo công tác chăm sóc quản lý bảo vệ phát triển rừng.

b. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

Tiếp tục kêu gọi đầu tư các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mới phù hợp với điều kiện của xã, có khả năng đem lại giá trị kinh tế cao.

c. Xây dựng cơ bản

Tiếp tục tập trung chỉ đạo, đôn đốc chủ đầu tư, đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm chất lượng công trình, an toàn lao động và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành; hoàn thiện hồ sơ giải ngân các nguồn vốn được giao, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn năm 2026 theo quy định.

Thực hiện quyết toán kịp thời các dự án hoàn thành, đưa công trình vào khai thác, sử dụng hiệu quả.

d. Tài chính - tín dụng

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thu ngân sách nhà nước; tăng cường công tác rà soát, khai thác các nguồn thu trên địa bàn, phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách năm 2026 được giao.

Điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; ưu tiên bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và các nhiệm vụ cấp bách của địa phương.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, xử lý tài sản công theo quy định; tăng cường quản lý, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, tránh lãng phí, thất thoát.

e. Quản lý quy hoạch xây dựng, tài nguyên môi trường

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, tài nguyên và môi trường trên địa bàn. Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã A Dơi đến năm 2050; triển khai công tác đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn xã. Thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp phép xây dựng, thẩm định các hồ sơ liên quan đến đầu tư xây dựng và quy hoạch theo đúng quy định. Công tác vệ sinh môi trường được duy trì thường xuyên; công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng các dự án được triển khai kịp thời, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

f. Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Hoàn chỉnh phương án và triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống bão, lụt theo phương châm "4 tại chỗ". Tăng cường công tác thông tin - tuyên truyền nâng cao ý thức của cán bộ, nhân dân trong công tác phòng chống lũ lụt, khắc phục tình trạng chủ quan, lơ là. Chủ động các nguồn lực phục vụ công tác phòng chống thiên tai đảm bảo ngân sách, cấp phát vật tư kịp thời, chủ động ứng phó tình huống xảy ra.

2.2 Văn hóa - xã hội

a. Lĩnh vực nội vụ

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã.

Xây dựng vị trí việc làm tạm thời của Trạm Y tế xã.

Giải quyết chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn.

Thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức.

b. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2025 - 2026, triển khai phương hướng nhiệm vụ năm học 2026 - 2027.

Tăng cường công tác quản lý, duy trì sĩ số học sinh; tiếp tục triển khai các giải pháp hạn chế tình trạng học sinh bỏ học, đặc biệt đối với học sinh vùng khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, đặc biệt trong thời điểm thời tiết giao mùa.

Tăng cường phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; đồng thời đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng, góp phần nâng cao dân trí và phát triển giáo dục tại địa phương.

c. Về lĩnh vực Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn xã.

Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh; chủ động giám sát, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các trường hợp bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là các bệnh thường xảy ra trong mùa hè.

Duy trì tốt công tác khám chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân tại Trạm Y tế; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân.

Triển khai thực hiện đầy đủ chương trình tiêm chủng mở rộng theo kế hoạch; đảm bảo tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em trong độ tuổi và phụ nữ mang thai đạt chỉ tiêu.

Tiếp tục thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng.

Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe; tuyên truyền vận động người dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.

Tiếp tục thực hiện việc hướng dẫn, làm thủ tục chi trả BTXH qua tài khoản;

nhập liệu cơ sở dự liệu trẻ em, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về khuyết tật.

d. Công tác chính sách - an sinh xã hội

Tiếp tục triển khai kịp thời, đúng đối tượng các chính sách ưu đãi đối với người có công, bảo trợ xã hội và các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn.

Thực hiện tốt công tác rà soát, lập danh sách cấp thẻ BHYT, chi trả trợ cấp hàng tháng đảm bảo công khai, minh bạch.

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà động viên các gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo nhân dịp các ngày lễ.

Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân theo quy định của Nhà nước.

Thực hiện tốt công tác quản lý, rà soát hồ sơ người có công trên địa bàn; hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực người có công theo quy định.

Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ưu đãi người có công; vận động Nhân dân tham gia phong trào "Đền ơn đáp nghĩa".

e. Về lĩnh vực Văn hóa - Thể thao

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực văn hóa - thể thao theo kế hoạch của cấp trên; tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; rà soát, củng cố các danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa.

Tổ chức và phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng; quản lý, khai thác hiệu quả các nhà sinh hoạt cộng đồng thôn; bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt văn hóa, hội họp và hoạt động thể thao của Nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

f. Về lĩnh vực Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

Triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính và xây dựng chính quyền điện tử.

Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, các thôn bản đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc, sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hệ thống thư điện tử công vụ, chữ ký số.

g. Về lĩnh vực Dân tộc, tôn giáo

Triển khai Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27/02/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 2).

Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biệc pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo

2.3 Về hoạt động trung tâm phục vụ hành chính công

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm soát TTHC trên địa bàn xã; nâng cao tình thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ công chức trực tiếp tiếp xúc với người dân, tổ chức khi cung cấp dịch vụ hành chính và thủ tục hành chính. Phối hợp với các đơn vị có liên quan, các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần, thường xuyên đôn đốc cán bộ, công chức tích cực hơn nữa trong việc hướng dẫn công dân, tổ chức áp dụng nộp hồ sơ trực tuyến.

Tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra kiểm soát thủ tục hành chính, như: Niêm yết, công khai thủ tục hành chính; kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Công khai kịp thời, đầy đủ bằng phương tiện điện tử hoặc văn bản danh mục, nội dung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và được thực hiện tại trung tâm theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và quy định pháp luật có liên quan; đồng thời hỗ trợ tổ chức, cá nhân gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin công khai trên phương tiện điện tử.

Tiếp tục đổi mới, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính. Thực hiện việc tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn.

2.4 Về quốc phòng - an ninh

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Bộ Công an, Công an tỉnh về bảo đảm an ninh chính trị, TTATXH, phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật trong tình hình mới.

Quyết liệt chỉ đạo, huy động lực lượng, phương tiện thực hiện nghiêm túc đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự.

Chủ động triển khai áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật và tai, tệ nạn xã hội. Tăng cường tuần tra kiểm soát, nhất là vào ban đêm, tại các khu vực phức tạp nhằm bảo đảm tình hình ANTT tại địa phương.

Chỉ đạo lực lượng quân sự tổ chức luyện tập thuần thục các phương án SSCĐ, nhất là phương án chiến đấu bảo vệ cơ quan, đơn vị. Chỉ đạo làm tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

III. RÀ SOÁT NHU CẦU, LẬP VÀ ĐỀ XUẤT DANH MỤC, MỨC VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Nguyên tắc xây dựng danh mục

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bảo đảm phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của xã; quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ nhu cầu thực tế, mức độ cấp thiết của từng công trình, dự án; ưu tiên

các dự án phục vụ dân sinh, phát triển hạ tầng thiết yếu, góp phần hoàn thành các tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Không bố trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án không thuộc đối tượng đầu tư công hoặc không đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong việc lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên danh mục đầu tư.

2. Danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030

- Qua rà soát, tổng nhu cầu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của xã khoảng 145.550 triệu đồng. Nhu cầu tập trung chủ yếu vào giao thông, trường học, y tế.

- Danh mục các công trình, dự án đề xuất đầu tư được tổng hợp tại Phụ lục 02 kèm theo.

- Khó khăn lớn nhất là nhu cầu đầu tư rất cao trong khi khả năng cân đối ngân sách xã hạn chế; nhiều công trình cần sửa chữa, nâng cấp đồng thời, một số dự án quy mô lớn phải phân kỳ đầu tư. Việc chuẩn bị hồ sơ, khảo sát, xác định tổng mức đầu tư đối với một số nhu cầu mới cần tiếp tục hoàn thiện để bảo đảm tính khả thi và phù hợp khả năng cân đối vốn.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH

UBND xã đã tổ chức rà soát các nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung liên quan trực tiếp đến địa phương, phân công cơ quan chuyên môn theo dõi, triển khai và tổng hợp kết quả. Nhìn chung, các nghị quyết được triển khai bám đối tượng, nội dung và nguồn lực được giao; một số nghị quyết mới ban hành đang ở giai đoạn phân bổ nguồn lực, hoàn thiện kế hoạch và tổ chức thực hiện.

Kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh theo phụ lục 03 đính kèm.

V. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG LÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC SAU KHI SẮP XẾP

Sau khi thành lập xã A Dơi mới, UBND xã đã tổ chức tiếp nhận, kiểm kê, bàn giao tài sản, hồ sơ và dữ liệu của 03 xã A Dơi, Ba Tầng và Xy (cũ); phân loại trụ sở, đất, phương tiện, máy móc, thiết bị và tài sản khác để bố trí phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị, đơn vị sự nghiệp và nhu cầu cung cấp dịch vụ công.

Đối với hồ sơ lưu trữ sau sắp xếp, xã đã hợp đồng đơn vị chuyên ngành thực hiện chỉnh lý, lập danh mục và sắp xếp đưa vào kho lưu trữ. Đối với tài sản công, xã tiếp tục đối chiếu hồ sơ pháp lý, sổ kế toán, hiện trạng sử dụng và dữ liệu tài sản; xác định đơn vị quản lý, sử dụng; đề xuất phương án điều chuyển, tiếp tục sử dụng hoặc xử lý theo thẩm quyền.

STT	Tài sản/cơ sở	Phương án sử dụng	Công việc tiếp theo

STT	Tài sản/cơ sở	Phương án sử dụng	Công việc tiếp theo
1	Trụ sở UBND xã Xy (cũ)	Điều chuyển cho Trường Mầm non Xy quản lý, sử dụng	Hoàn thiện hồ sơ điều chuyển và đất đai
2	Trụ sở UBND xã Ba Tầng (cũ) tại thôn Loa	Điều chuyển cho Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Tầng làm khu đa năng	Hoàn thiện hồ sơ điều chuyển, cấp giấy chứng nhận và chuyển đổi công năng
3	Khu đất thể dục, thể thao tại xã Ba Tầng (cũ)	Điều chuyển cho Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Tầng quản lý, sử dụng	Hoàn thiện hồ sơ đất đai và thủ tục sử dụng

Đánh giá: Phương án sắp xếp cơ bản phù hợp nhu cầu giáo dục và tránh để tài sản dôi dư, bỏ hoang. Tuy nhiên, hồ sơ nhà, đất qua nhiều thời kỳ chưa đồng bộ; việc cấp giấy chứng nhận, chuyển đổi công năng, cập nhật sổ kế toán và cơ sở dữ liệu tài sản cần tiếp tục được cơ quan chuyên môn hướng dẫn, thẩm định.

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC, NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN

1. Các chương trình mục tiêu quốc gia

STT	Chương trình	Vốn chuyển nguồn (đồng)	Giải ngân đến 31/7/2026 (đồng)	Tỷ lệ
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	756.245.000	Chưa giải ngân	0%
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	387.296.000	324.695.000	83,8%
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.798.167.000	2.102.817.000	23,9%
	Tổng cộng	9.941.708.000	2.427.512.000	24,4%

Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo.

Đối với nhiệm vụ, dự án không còn khả năng thực hiện, HĐND xã A Dơi đã

ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 về thu hồi và phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Thực hiện chính sách dân tộc

Các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai gắn với giảm nghèo, hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt, bảo vệ rừng, giáo dục, y tế, bảo tồn văn hóa và tạo sinh kế. Xã tổ chức rà soát đối tượng, công khai danh sách, lồng ghép nguồn lực; thăm hỏi, tặng quà cho 16 người có uy tín; đồng thời tiếp tục thực hiện hỗ trợ nhà ở thuộc Dự án 1 với kế hoạch vốn đầu tư 3.680.000.000 đồng, đã giải ngân 680.000.000 đồng, đạt 18,48% đến ngày 31/7/2026.

Việc triển khai còn chậm ở nhiều nội dung sự nghiệp; liên kết sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và phát triển sinh kế chưa bền vững. Xã tiếp tục rà soát đối tượng, hoàn thiện hồ sơ và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, thanh toán theo quy định.

3. Nước sạch nông thôn

Nhu cầu nước sinh hoạt là vấn đề cấp thiết do dân cư phân tán, một số công trình cấp nước tập trung đã xuống cấp hoặc chưa đáp ứng ổn định. Theo báo cáo chuyên môn, tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh hiện khoảng 35%. Nguồn nước mặt và nước ngầm tại một số khu vực bị nhiễm vôi, nhiễm phèn; một số giếng khoan không bảo đảm sử dụng cho ăn uống và sinh hoạt.

VII. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Khó khăn, vướng mắc

*** Về tổ chức bộ máy, biên chế:** Một số lĩnh vực chuyên môn còn thiếu hụt nhân lực cục bộ như đất đai, tài chính - kế hoạch, xây dựng, công thương, y tế, công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Một số công chức chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn nhưng phải đảm nhận khối lượng công việc lớn ngay sau sắp xếp bộ máy nên còn gặp khó khăn trong công tác tham mưu, xử lý công việc. Nhiều công chức phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực chuyên môn; trong một số thời điểm, tiến độ xử lý văn bản và tham mưu giải quyết công việc còn gặp áp lực do số lượng hồ sơ, văn bản tiếp nhận lớn và yêu cầu xử lý trong thời gian ngắn.

*** Về cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, chuyển đổi số:** Trụ sở làm việc của các cơ quan còn phân tán; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc còn thiếu thốn, nhiều hạng mục xuống cấp, phòng làm việc chật hẹp. Trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác chuyên môn và giải quyết thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Hạ tầng phục vụ chuyển đổi số còn nhiều bất cập; hệ thống điều hành tác nghiệp của Đảng, chính quyền chưa liên thông đồng bộ đến thôn, bản; đường truyền và một số phần mềm chuyên ngành hoạt động chưa ổn định. Hệ thống dịch vụ công quốc gia, phần mềm một cửa điện tử, phần mềm hộ tịch còn phát sinh lỗi, chưa đồng bộ dữ liệu, ảnh hưởng đến tiến độ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Một số tuyến giao thông nông thôn xuống cấp nhưng chưa được bố trí nguồn lực để đầu tư, sửa chữa kịp thời. Cơ sở vật chất, trang

thiết bị phục vụ công tác tuyên truyền, chuyển đổi số còn thiếu, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

*** Về tài chính, ngân sách:** Khối lượng công việc trong lĩnh vực tài chính, đầu tư xây dựng tại cấp xã tăng cao, nhất là trong giai đoạn lập dự toán, quyết toán ngân sách và triển khai các dự án đầu tư công. Trong khi đó, năng lực chuyên môn của đội ngũ phụ trách một số lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nguồn kinh phí phân bổ cho các địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh sau sắp xếp đơn vị hành chính. Quy mô kinh tế nhỏ, năng suất lao động thấp; chưa có doanh nghiệp lớn, hợp tác xã quy mô hoặc dự án động lực, dẫn đến khó khăn trong thu hút đầu tư phát triển kinh tế.

*** Về kinh tế:**

- Lĩnh vực nông nghiệp: Một số cây trồng có năng suất còn thấp; cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi chưa hợp lý. Việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất còn chậm; đầu ra nông sản thiếu ổn định. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất và tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp. Đối với cây sắn - cây trồng chủ lực của địa phương - hiện đang gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tính bền vững và hiệu quả kinh tế. Cụ thể: dịch bệnh khảm lá sắn diễn biến phức tạp; giống sắn bị thoái hóa qua nhiều năm làm giảm năng suất, chất lượng; phương thức canh tác chủ yếu còn quảng canh, dẫn đến đất canh tác bị bạc màu, hiệu quả sử dụng đất thấp. Bên cạnh đó, điều kiện thời tiết diễn biến bất lợi (hạn hán, mưa kéo dài) gây thiệt hại sản xuất. Liên kết trong tiêu thụ sản phẩm chưa chặt chẽ, phụ thuộc vào thị trường đơn lẻ nên tiềm ẩn rủi ro về giá cả. Đồng thời, hệ thống hạ tầng giao thông còn khó khăn, chi phí vận chuyển cao; trình độ sản xuất của một bộ phận người dân còn hạn chế, làm chậm quá trình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa vào sản xuất.

- Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và việc làm: sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, quy mô nhỏ lẻ. Công tác đào tạo nghề chưa gắn với giải quyết việc làm, hiệu quả thấp; việc thu hút người dân tham gia chưa đạt yêu cầu.

- Các chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng nông thôn mới: Tiến độ triển khai còn chậm; việc hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới gặp nhiều khó khăn. Hạ tầng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân. Ý thức tham gia của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em còn cao.

- Kết cấu hạ tầng: Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, nhất là giao thông nông thôn và các trục đường chính. Nguồn lực của địa phương hạn chế, khó khăn trong huy động đóng góp của Nhân dân cho xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Tài nguyên nước: Hiện nay, tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở mức rất thấp, chỉ đạt 35%. Tình hình cung cấp nước sinh hoạt gặp khó khăn do chất lượng nguồn nước kém: Nguồn nước mặt và nước ngầm tại khu vực bị nhiễm vôi và nhiễm phèn nặng; Do đó, mặc dù đã được chính quyền địa phương hỗ trợ khoan giếng cho

người dân nhưng nguồn nước không thể dùng để ăn, uống, sinh hoạt.

- Đất đai: Diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế canh tác của người dân không đồng bộ. Các dự án trước đây cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân sau chồng lên diện tích đã cấp cho hộ trước do thiếu kiểm tra thực địa. Bản đồ địa chính cũ (đo đạc thủ công) thường có sai số so với công nghệ GPS hiện đại.

- Môi trường: Kinh phí dành cho công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế. Chưa có hệ thống thu gom, xử lý rác thải tập trung.

- Giáo dục - đào tạo: Chất lượng giáo dục còn một số mặt hạn chế; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học chưa đồng bộ. Công tác xã hội hóa giáo dục còn chậm; việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia gặp khó khăn.

- Một số người dân chưa có tài khoản định danh mức độ 2 (VNeID 2) nên việc thực hiện xử lý nộp hồ sơ trực tuyến trên hệ thống phần mềm một cửa trên dịch vụ công Quốc gia, đăng nhập trên ứng dụng VNeID đánh giá mức độ hài lòng còn thấp; việc nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến của người dân còn hạn chế, phần mềm Dịch vụ công có lúc chưa ổn định hoặc quá tải, chưa được đồng bộ đầy đủ.

- Du lịch, dịch vụ: Hạ tầng phục vụ phát triển du lịch chưa đồng bộ; thiếu điểm vui chơi, giải trí quy mô. Công tác quảng bá, xúc tiến và quản lý nhà nước về du lịch chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

*** Về kinh phí tiền lương:** Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nhiều cán bộ, công chức, viên chức được điều động, chuyển từ cấp huyện về công tác tại xã phát sinh nhu cầu hưởng các chế độ theo địa bàn mới như: phụ cấp thu hút, phụ cấp đặc biệt, phụ cấp khu vực, phụ cấp ưu đãi nghề, trợ cấp lần đầu, trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt cùng các chế độ liên quan. Đồng thời, từ ngày 01/7/2026, mức lương cơ sở được điều chỉnh theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP, làm tăng nhu cầu chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và quỹ tiền thưởng.

Trong khi đó, dự toán ngân sách năm 2026 được lập theo bảng lương tháng 9/2025, thời điểm một số cán bộ, công chức, viên chức còn hưởng chế độ bảo lưu và chưa phát sinh đầy đủ các chế độ theo địa bàn công tác mới, nên dự toán được giao đầu năm không bảo đảm nhu cầu thực tế. Theo Tờ trình số 975/TTr-UBND ngày 09/7/2026 và Tờ trình số 1200/TTr-UBND ngày 14/8/2026 của UBND xã A Dơi, tổng nhu cầu kinh phí năm 2026 khoảng 15,579 tỷ đồng; nguồn thực hiện cải cách tiền lương của địa phương chỉ có khoảng 258,9 triệu đồng, phần kinh phí còn thiếu khoảng 15,320 tỷ đồng.

2. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị HĐND tỉnh:

- Đề nghị quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, công trình nước sinh hoạt tập trung và hạ tầng thiết yếu cho người dân. Ưu tiên:

+ Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường liên xã A Dơi - Tân Lập, với kinh phí dự

kiến là 50.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng). Tuyến đường có chiều dài khoảng 6,5 km, cần được nâng cấp mặt đường, xây mới hệ thống cầu cống và rãnh thoát nước dọc tuyến.

+ Đường giao thông liên thôn từ thôn Trùm đi thôn Vầng xã A Dơi, khoảng 8km đường bê tông theo CT135, mặt đường củ 2,5m nay đã xuống cấp; cần mở rộng mặt đường 5m, làm mới đường bê tông hoặc nhựa; kinh phí tối thiểu khoảng 20 tỷ đồng.

+ Đường liên thôn Prin Thành đi Xa Doan xã A Dơi, khoảng 4 tỷ.

+ Xây dựng hệ thống nước sạch tập trung.

- Bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất thu gom rác thải cũng như kinh phí để chi trả cho lực lượng thu gom rác thải.

- Quan tâm, bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện đo đạc lại toàn bộ ranh giới theo tọa độ chuẩn cũng như thực tế sử dụng đất của người dân trên địa bàn xã.

- Quan tâm bổ sung khoảng 15,320 tỷ đồng kinh phí còn thiếu để thực hiện tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

- Quan tâm, bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ diễn tập năm 2026 (Tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách cho các xã, phường tổ chức diễn tập tác chiến trong khu vực phòng thủ năm 2026, kinh phí được phân bổ: 700 triệu đồng. Tổng nhu cầu kinh phí 1,8 tỷ đồng, phần kinh phí còn thiếu khoảng 1,1 tỷ đồng).

Trên đây là Báo cáo Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; công tác đầu tư công, quản lý tài sản công và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026 của UBND xã A Dơi./.

Nơi nhận:
- HĐND tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Trọng Kim

Phụ lục 01

BẢNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO LÀM VIỆC VỚI THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

STT	Chỉ tiêu/nội dung	ĐVT	KH năm 2026	Kết quả 6 tháng theo Báo cáo chính thức	Cập nhật đến 24/8/2026	Ghi chú
A. KINH TẾ - NGÂN SÁCH - ĐẦU TƯ						
1	Tổng giá trị sản phẩm/tốc độ tăng trưởng	tỷ đồng/%	173 tỷ đồng/5% cả năm	261,757 tỷ đồng (giá hiện hành), đạt 151% KH; 215,007 tỷ đồng (giá SS 2020), tăng 7,65% cùng kỳ	-	Cập nhật theo số liệu của Thống kê tỉnh
2	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/người	22,5			Chưa có số liệu do Thống kê tỉnh cung cấp
3	Thu ngân sách	tỷ đồng/%	Theo dự toán giao	80,6 tỷ đồng, đạt 44,73% dự toán	150 tỷ đồng, đạt 83%	
4	Chi ngân sách	tỷ đồng/%	Theo dự toán giao	68,5 tỷ đồng, đạt 38,02% dự toán	115 tỷ đồng, đạt 64%	
5	Giải ngân vốn đầu tư công năm 2026	tỷ đồng/%	Theo KH vốn được giao	1,780 tỷ đồng, đạt 52% KH (đến 30/6/2026)	2,119 tỷ đồng đạt 64%	
6	Sản xuất nông nghiệp/chăn nuôi nổi bật	ha/con	Tổng DT cây trồng 3.176 ha; tổng đàn 19.100 con	Cây trồng 2.278,8 ha, đạt 71,75%; tổng đàn 18.994 con, đạt 99,4%		
B. XÃ HỘI - DÂN TỘC - NƯỚC SẠCH						
7	Hộ nghèo, hộ cận nghèo	hộ/%	giảm >7%	804 hộ nghèo (365,64%); 717 hộ cận nghèo (31,78%)		
8	Tỷ lệ tham gia BHYT	%	100	100		
9	Nước hợp vệ sinh / nước sạch nông thôn	%	Nước hợp vệ sinh: 40%	Nước hợp vệ sinh: 35%		
10	Giải quyết việc làm	lao động	300-500	883, đạt khoảng 196% KH		

STT	Chỉ tiêu/nội dung	ĐVT	KH năm 2026	Kết quả 6 tháng theo Báo cáo chính thức	Cập nhật đến 24/8/2026	Ghi chú
11	Y tế: khám chữa bệnh và tiêm chủng	lượt/%	Theo kế hoạch ngành	Khám 1.264 lượt. Tiêm chủng trẻ: 82/210 đạt 39,05 %		
12	An sinh xã hội, người có công, bảo trợ xã hội	đối tượng/tỷ đồng	Theo chế độ	BTXH: 1.153 đối tượng, chi 846 triệu đồng/tháng		
C. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - CHUYỂN ĐỔI SỐ						
13	Hồ sơ TTHC tiếp nhận/giải quyết/quá hạn	hồ sơ	Theo chỉ tiêu CCHC	Tiếp nhận 1.862; đã trả 1.844; 22 hồ sơ quá hạn do lỗi hệ thống; còn 1.822 hồ sơ trước hạn		
13	Nhu cầu/danh mục đầu tư công trung hạn 2026-2030	dự án/tỷ đồng	—	Đã thông qua HĐND xã		

Phụ lục 02
Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách xã quản lý

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2026 - 2030
	TỔNG SỐ		**145.550**	**145.550**
1	Xây mới điểm trường trung tâm Mầm non Ba Tầng	Thôn Ba Tầng	12.000	12.000
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường liên xã A Dơi - Tân Lập	Xã A Dơi	50.000	50.000
3	Xây dựng nhà ăn bán trú phục vụ nhu cầu 600 học sinh và 06 phòng học - Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Tầng	Thôn Ba Tầng	6.000	6.000
4	Đường giao thông liên thôn từ Mầm non Ba Tầng đi thôn Măng Sông	Thôn Ba Tầng - Măng Sông	12.000	12.000
5	Trung tâm Văn hóa xã A Dơi	Thôn A Dơi Cô	10.000	10.000
6	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế xã A Dơi và 02 điểm trạm Xy, Ba Tầng	A Dơi Đớ, Xy, Ba Tầng	8.000	8.000
7	Đường dân sinh từ nhà ông Hồ Cu Le đi Hùn Bằng	Thôn Trùm	13.000	13.000
8	Đường ra khu sản xuất từ nhà bà Hồ Thị Hôi đến nhà ông Hồ Văn Thu	Thôn Măng Sông	7.000	7.000
9	Đường ra khu sản xuất từ rẫy cao su ông Pả Nhân đi rẫy cao su ông Thinh	Thôn A Dơi Cô	5.000	5.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2026 - 2030
10	Đường ra khu sản xuất từ rẫy ông Hồ Văn Hương (C Lơ) đến đường quốc phòng	Thôn A Dơi Đớ	3.800	3.800
11	Đường quốc phòng đi đồi A Poy	Thôn Xy	12.000	12.000
12	Xây dựng kè, tường rào, sân, rãnh thoát nước và mái che Trung tâm Phục vụ hành chính công xã A Dơi	A Dơi Cô	750	750
13	Đường từ nhà ông Hồ Ngương đến Trường Phổ thông Nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở A Dơi	A Dơi Cô	3.000	3.000
14	Đường từ nhà văn hóa thôn Prin Thành cũ đến Trường Phổ thông Nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở A Dơi	A Dơi Cô	3.000	3.000

PHỤ LỤC 03
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH CÓ LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN XÃ A DƠI

STT	Số, ngày Nghị quyết	Nội dung triển khai	Kết quả, số liệu chính
1	05/2025/NQ-HĐND, 28/10/2025	Ủy quyền nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức trong lĩnh vực chứng thực.	Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã A Dơi về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chứng thực
2	07/2025/NQ-HĐND, 28/10/2025	Công khai danh mục phí, lệ phí áp dụng mức thu 0 đồng; phối hợp cấu hình biểu phí trực tuyến trên Hệ thống giải quyết TTHC.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến duy trì ở mức cao; đến 24/8/2026 đạt 99,14%.
3	15/2025/NQ-HĐND, 11/12/2025	Mức học phí, hỗ trợ học phí trên địa bàn tỉnh từ năm học 2025-2026	-Trường PTDTBT TH&THCS Ba Tầng được miễn học phí: 1.020 học sinh . Kinh phí là 1.050.600 triệu đồng. Trong đó cấp Tiểu học 616 học sinh, cấp THCS 404 học sinh. -Trường Mầm non Xy được miễn học phí: 239 học sinh. Tổng số tiền: 70.983.000.Khó khăn: không; -Trường TH&THCS Xy; 100% học sinh thuộc DTTS nên không thực hiện thu học phí năm học 2025 – 2026. Miễn giảm TH: 404hs, Kinh phí: 44.440.000đ THCS: 242hs. Kinh phí: 29.040.000đ - Trường Mầm non A Dơi: + Số học sinh được miễn học phí: 264 học sinh + Kinh phí: 78.408.000 đồng - Trường Mầm non Ba Tầng: Số học sinh được miễn học phí: 408 học sinh. Kinh phí cấp bù học phí: 120.879.000đ Khó khăn: Không; - Trường TH&THCS A Dơi: Nhà trường không thực hiện thu học phí , học sinh đa số là người dân tộc thiểu số rất ít người, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Học sinh được miễn học phí 100% Số HS được miễn HP cấp TH: 424HS: 419.760.000 đ, cấp THCS: 317HS: 342.360.000đ

STT	Số, ngày Nghị quyết	Nội dung triển khai	Kết quả, số liệu chính
4	18/2025/NQ-HĐND, 11/12/2025	Mức chi PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở	- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch số 475/KH-UBND ngày 16/4/2026 về tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn xã. Tổ chức 01 hội nghị tại UBND xã với sự tham gia của 60 đại biểu là đại diện lãnh đạo UBND xã, đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị và trưởng thôn, Bí thư chi bộ, Trưởng Ban công tác mặt trận các thôn. Tổng kinh phí thực hiện: 11.300.000 đồng . - Hòa giải cơ sở: Hỗ trợ 01 vụ việc hòa giải thành kinh phí: 400.000 đồng
5	21/2025/NQ-HĐND, 11/12/2025	Tiêu chí thành lập, số lượng thành viên và mức hỗ trợ lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở	Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 01/8/2026 của UBND xã A Dơi Về việc kiện toàn Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn xã A Dơi
6	22/2026/NQ-HĐND, 17/7/2026	Hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em DTTS trước khi vào lớp Một	-Trường PTDTBT TH&THCS Ba Tầng:80 tiết x 7 giáo viên/7 lớp x 150.000đ/ tiết : 84.000.000đ; -Trường Th&THCS Xy; Năm học 2025 -2026 nhà trường có tổ chức dạy tăng cường Tiếng Việt cho con em dân tộc thiểu số nhưng kinh phí chưa cấp: Kính phí cho GV giảng dạy: 58.277.105đ Năm học 2026 - 2027 nhà trường cũng tổ chức dạy học xong chương trình. Kính phí tài liệu, sách giáo khoa, chi trả tiền lương: 55.990.000đ Nhà trường đã gửi tờ trình kèm theo bản dự trù kinh phí cho 2 năm học (2025-2026, 2026 – 2027) - Trường TH&THCS A Dơi: Trường TH&THCS A Dơi năm học 2026 -2027 có 4 lớp 1 được phân công 4 giáo viên giảng dạy cho HS DTTS trước khi vào lớp 1 từ ngày 13/7 đến 14/8/2026, số học sinh DTTS 77 em. Nhà trường đã lập kinh phí hỗ trợ cho giáo viên giảng dạy và tài liệu cho học sinh năm học 2025-2026 và năm học 2026-2027nhưng đến nay vẫn chưa có kinh phí. Số KP đề nghị mua tài liệu và hỗ trợ giáo viên giảng dạy năm học 2024-2025: 100.944.400đ, năm học 2026-2027: 73.660.000đ

STT	Số, ngày Nghị quyết	Nội dung triển khai	Kết quả, số liệu chính
7	24/2026/NQ-HĐND, 03/02/2026	Mức chi, thời gian hỗ trợ phục vụ bầu cử ĐBQH khóa XVI và HĐND các cấp 2026-2031	- Dự toán được giao: 380 triệu; - Các khoản chi phục vụ bầu cử: Chi tổ chức hội nghị; Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử và các nội dung chi khác phục vụ cho công tác bầu cử. - Kết quả sử dụng, thanh/quyết toán: Đã thanh/quyết toán theo số tiền được phân bổ: 380 triệu. - Số kinh phí còn dư/thiếu: 0.
8	31/NQ-HĐND, 17/7/2026	Phân bổ vốn năm 2026 CTMTQG phát triển văn hóa.	755 triệu đồng vốn đầu tư công và 122 triệu đồng vốn sự nghiệp; HĐND xã đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 để phân bổ.
9	30/NQ-HĐND, 17/7/2026	Triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 (đợt 1) và năm 2026 vốn NSTW thực hiện 03 CTMTQG.	Tỉnh giao xã A Dơi 32,652 tỷ đồng giai đoạn 2026-2030; năm 2026 là 3,132 tỷ đồng. HĐND xã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12/8/2026.
10	08/2026/NQ-HĐND, 17/7/2026	Triển khai nhiệm vụ CTMTQG phòng, chống ma túy.	Chưa được giao vốn cụ thể; năm 2026 đã ban hành kế hoạch phòng, chống ma túy, tập trung nhóm nguy cơ và địa bàn trọng điểm.
11	03/2025/NQ-HĐND, 14/08/2025	Hỗ trợ CBCCVC, người lao động của đơn vị hành chính sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính cấp tỉnh, cấp xã	Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của UBND xã A Dơi Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chuyển đến làm việc tại trung tâm hành chính mới khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính
12	04/2025/NQ-HĐND, 14/08/2025	Mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật	Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 của UBND xã A Dơi Về việc phân bổ hạt giống ngô và hạt giống rau từ nguồn dự trữ Quốc gia cho các thôn bị thiệt hại do thiên tai gây ra

STT	Số, ngày Nghị quyết	Nội dung triển khai	Kết quả, số liệu chính
13	22/2025/NQ-HĐND, 11/12/2025	Chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS chưa có đất sinh hoạt cộng đồng, đất ở và đất sản xuất	Tổng số hộ nghèo có nhu cầu cấp GCNQSD đất ở trên toàn xã là 279 hộ: cụ thể thôn Xy 40, thôn A Dơi Đớ 39 hộ, A Dơi Cô 68, Trùm 21 hộ, Ba Tầng 81, Măng Sông 30. Tổng số hộ cận nghèo có nhu cầu cấp GCNQSD đất ở trên toàn xã là 173 hộ: cụ thể thôn Xy 44 hộ, A Dơi Đớ 36, A Dơi Cô 26, Trùm 11, Ba Tầng 44, Măng Sông 12. Trong đó hộ nghèo ở trên đất bố mẹ là 119 trường hợp, ở trên đất anh chị e là 20 trường hợp. Hộ cận nghèo ở trên đất bố mẹ là 20 trường hợp, ở trên đất anh chị e là 15 trường hợp. Tổng số hộ nghèo có nhu cầu cấp GCNQSD đất sản xuất trên toàn xã là 339 hộ: cụ thể thôn Xy 3 hộ, A Dơi Đớ 107 hộ, Trùm 23, Ba Tầng 95, Măng Sông 19, A Dơi Cô 56. Tổng số hộ cận nghèo có nhu cầu cấp GCNQSD đất ở trên toàn xã là 229 hộ: cụ thể thôn Xy 42 hộ, A Dơi Đớ 37 hộ, A Dơi Cô 89, Trùm 18, Ba Tầng 39, Măng Sông 9. - Về dự kiến kinh phí đo đạc cấp GCNQSD đất là khoảng 4.548.180.000 đồng).
14	12/2025/NQ-HĐND, 11/12/2025	Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh	Việc áp dụng Bảng giá đất theo Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND, ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh trên địa bàn xã A Dơi là phù hợp, hiện tại không có vướng mắc
15	06/2026/NQ-HĐND, 29/6/2026	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất	- Trên địa bàn xã không có hồ sơ áp dụng Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất; hiện tại không có vướng mắc
16	15/2026/NQ-HĐND, 17/7/2026	Rà soát hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	Trên địa bàn xã có 03 hộ thuộc diện hỗ trợ. Hiện trạng nhà ở là nhà tạm, nhà dột nát. Tiến độ: 01 hộ đã hoàn thiện phần móng nhà; 02 hộ đang hoàn thiện hồ sơ để thực hiện tạm ứng kinh phí. Mức hỗ trợ dự kiến 100.000.000 đồng/hộ. Hiện đang chờ bố trí kinh phí để tiếp tục thực hiện.

STT	Số, ngày Nghị quyết	Nội dung triển khai	Kết quả, số liệu chính
17	29/2026/NQ-HĐND, 17/7/2026	Mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Chi quản lý phần mềm kế toán: 5.000.000đ Chi quản lý phần mềm Quản lý tài sản: 15.000.00đ
18	28/2026/NQ-HĐND, 03/02/2026	Chi phí quản lý, thù lao và chi phí dịch vụ chi trả trợ cấp người có công	Kinh phí được giao 11.187.942.200 đồng; đã chi 8.594.605.113 đồng, trong đó chi trợ cấp hằng tháng 8.551.059.400 đồng, chi thù lao, dịch vụ chi trả 43.545.713 đồng cho 2.169 đối tượng; phí quản lý chưa chi. Việc chi trả được thực hiện đúng quy định, bảo đảm kịp thời, không phát sinh ý kiến, kiến nghị
19	27/2026/NQ-HĐND, 17/7/2026	Thăm, tặng quà người có công và thân nhân dịp Tết, ngày 27/7	Thực hiện thăm, tặng quà người có công và thân nhân người có công dịp Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7/2026 theo Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh, với 388 đối tượng, tổng kinh phí 119.000.000 đồng, cụ thể: - Mức quà 600.000 đồng/người: 06 đối tượng, kinh phí 3.600.000 đồng; - Mức quà 500.000 đồng/người: 04 đối tượng, kinh phí 2.000.000 đồng; - Mức quà 300.000 đồng/người: 378 đối tượng, kinh phí 113.400.000 đồng.
20	20/2025/NQ-HĐND, 11/12/2025	Mức chi phí chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội	Tổng dự toán được giao: 11.638.381.200 đồng; Chi trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội 6.540.250.000 đồng; Chi cho đơn vị cung cấp dịch vụ 104.333.250 đồng. Tổng số: 104.333.250 đồng.

Phụ lục 04

Tình hình giải ngân vốn ngân sách trung ương các chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 chuyển nguồn năm 2026

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội Dung	Số chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026			Kết quả giải ngân đến 31/7/2026			Dự kiến giải ngân đến 31/12/2026		
		Cộng	ĐTPT	SN	Cộng	ĐTPT	SN	Cộng	ĐTPT	SN
	Tổng số	**9.941,708**	**5.352,561**	**4.589,147**	**2.427,512**	**1.040,000**	**1.387,512**	**9.941,708**	**5.352,561**	**4.589,147**
I	**Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**	**756,245**	**68,915**	**687,330**				**756,245**	**68,915**	**687,330**
1	***Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch***	***625,882***		***625,882***				**625,882**		***625,882***
-	Công tác quy hoạch	625,882		625,882				625,882		625,882
2	***Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới***	***61,448***		***61,448***				**61,448**		***61,448***
-	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng cộng	6,400		6,400				6,400		6,400
-	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới"	55,048		55,048				55,048		55,048

3	***Đường ra khu sản xuất thôn Xa Doan (giai đoạn 1)***	***20,360***	***20,360***					**20,360**	***20,360***	
4	***Đường ra khu sản xuất thôn A Dơi Đớ (giai đoạn 1)***	***16,035***	***16,035***					**16,035**	***16,035***	
5	***Đường liên thôn bản cợp thôn Măng Sông đi bản Cù Tiêng thôn Ba Lòng (giai đoạn 2)***	***3,085***	***3,085***					**3,085**	***3,085***	
6	***Đường nối khu dân cư thôn Ra Po đến bãi đỗ xe vòng qua nhà ông Pả Ta***	***12,958***	***12,958***					**12,958**	***12,958***	
7	***Đường liên thôn Bản cợp thôn Măng Sông đi thôn Ba Tầng (giai đoạn 9)***	***2,934***	***2,934***					**2,934**	***2,934***	
8	***Đường trung tâm dân cư thôn Ra Man đi Ra Man 1***	***13,543***	***13,543***					**13,543**	***13,543***	
II	**Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**	**387,296**		**387,296**	**324,695**		**324,695**	**387,296**		**387,296**
1	***Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo***	***33,776***		***33,776***	**33,776**		***33,776***	**33,776**		***33,776***
2	***Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng***	***16,000***		***16,000***	**16,000**		***16,000***	**16,000**		***16,000***
-	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	16,000		16,000				16,000		***16,000***
3	***Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững***	***189,860***		***189,860***	**189,860**		***189,860***	**189,860**		***189,860***
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	*189,860*		*189,860*	**189,860**		*189,860*	189,860		***189,860***
4	***Dự án 7: Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá chương trình***	***147,659***		***147,659***	**85,059**		***85,059***	**147,659**		***147,659***
-	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	85,059		85,059	**85,059**		85,059	85,059		85,059

-	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	62,600		62,600				62,600		62,600
III	**Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**8.798,167**	**5.283,646**	**3.514,521**	**2.102,817**	**1.040,000**	**1.062,817**	**8.798,167**	**5.283,646**	**3.514,521**
1	***Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt***	***3.683,328***	***3.680,000***	***3,328***	**1.040,000**	***1.040,000***		**3.683,328**	***3.680,000***	***3,328***
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	3,328		3,328				3,328		3,328
-	Hỗ trợ nhà ở xã Ba Tầng	240,000	240,000		440,000	440,000		240,000	240,000	
-	Hỗ trợ nhà ở xã Xy	1.000,000	1.000,000		360,000	360,000		1.000,000	1.000,000	
-	Hỗ trợ nhà ở xã A Dơi	2.440,000	2.440,000		240,000	240,000		2.440,000	2.440,000	
2	***Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị***	***450,507***		***450,507***	**66,563**		***66,563***	**450,507**		***450,507***
-	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	201,750		201,750	66,563		66,563	201,750		201,750
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	248,757		248,757				248,757		248,757
3	***Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc***	***1.455,829***	***735,516***	***720,313***	**500,754**		***500,754***	**1.455,829**	***735,516***	***720,313***

-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	1.455,829	735,516	720,313	500,754		500,754	1.455,829	735,516	720,313
4	***Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***	***615,302***		***615,302***	**495,500**		***495,500***	**615,302**		***615,302***
-	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	495,500		495,500	495,500		495,500	495,500		495,500
-	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	116,573		116,573				116,573		116,573
-	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	3,229		3,229				3,229		3,229
5	***Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch***	***1.020,522***	***231,880***	***788,642***				**1.020,522**	***231,880***	***788,642***
6	***Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em***	***484,877***		***484,877***				**484,877**		***484,877***
7	***Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn***	***6,226***		***6,226***				**6,226**		***6,226***
-	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	6,226		6,226				6,226		6,226

8	***Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình***	***1.081,576***	***636,250***	***445,326***				**1.081,576**	***636,250***	***445,326***
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò vủa NCUT; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&N giai đoạn 2021-2030	267,996		267,996				267,996		267,996
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	743,050	636,250	106,800				743,050	636,250	106,800
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	70,530		70,530				70,530		70,530